

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2026/HC-PT

Ngày: 13/3/2026.

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**

ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 265/TLPT-HC ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 173/2025/HC-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 524/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà **Ngọc Thị C1** - sinh năm 1964.

Địa chỉ: thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: số E đường Q, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Ngọc Thị C1: ông **Phạm Hữu H** - sinh năm 1997 (văn bản ủy quyền ngày 23/12/2024).

Địa chỉ liên lạc: số E đường Q, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk).

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Bùi Duy H1 - chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E (văn bản ủy quyền số 180/QĐ-UBND ngày 18/7/2025). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nông Văn Q - sinh năm 1973.

Địa chỉ: thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: số E đường Q, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Công ty TNHH MTV L. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện bà Ngọc Thị C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, người khởi kiện bà Ngọc Thị C1 và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Tháng 5/2024, gia đình bà Ngọc Thị C1, ông Nông Văn Q nhận Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với các thửa đất thì mới biết các thửa đất của gia đình đã bị Ủy ban nhân dân huyện E thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 14/6/2024, gia đình bà C1 đến Trung tâm Phát triển quỹ đất để đối thoại các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất để thi công công trình nêu trên. Cụ thể: việc kiểm đếm đất và tài sản gắn liền với đất không có sự tham gia của gia đình nhưng Ủy ban nhân dân huyện E không ban hành Quyết định kiểm đếm bắt buộc mà tự kiểm đếm và nhận hồ sơ (Phương án, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất).

Từ ngày 19/6/2024 đến 03/7/2024, Ủy ban nhân dân huyện E mới tiến hành kiểm đếm theo quy định pháp luật. Ngày 22/8/2024, Ủy ban nhân dân xã C ban hành Quyết định xác nhận nguồn gốc đất.

Như vậy, gia đình bà C1 bị Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định thu hồi các thửa đất số 04, 159, 160, 133, 134, tờ bản đồ số 10; các thửa đất số 16, 24, tờ bản đồ số 09 thuộc thôn F, C, E, Đắk Lắk để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 09 là thửa đất có nhà ở. Ủy ban nhân dân huyện E đã tiến hành kiểm đếm nhưng hiện chưa có Quyết định thu hồi đất nên bà C1 không yêu cầu giải quyết đối với thửa số 14.

Ngoài ra, bà Ngọc Thị C1 còn có thửa đất số 137, tờ bản đồ số 10 có nguồn gốc do gia đình bà khai hoang vào năm 1994, đã bị thu hồi tại Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 07/02/2023. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện E lại xác định thửa đất số 137 vô chủ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Do đó, bà Ngọc Thị C1 làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét hủy bỏ dự án thu hồi đất để thi công công trình tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với các thửa đất của bà Ngọc Thị C1. Vì diện tích đất trên của bà Ngọc Thị C1 đã được khai phá, canh tác ổn định và là nguồn thu thập chính của gia đình nên việc thu hồi đất của bà Ngọc Thị C1 để giao cho người nơi khác đến canh tác là không hợp lý. Việc thu hồi này khiến gia đình bà Ngọc Thị C1 lâm vào tình trạng vô cùng khó khăn trong việc ổn định cuộc sống và canh tác. Nếu thu hồi đất thì phải bồi thường cho gia đình bà Ngọc Thị C1 theo quy định pháp luật vì những căn cứ sau:

- Hộ gia đình bà Ngọc Thị Cáo từ Hà Q1, Cao B chuyển vào địa phương xã C vào năm 1994 (việc này đã được cơ quan Công an xác nhận) để khai phá đất và canh tác vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ đó đến nay. Bà Ngọc Thị C1 là hộ dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp và dựa vào sản xuất nông nghiệp để sống, không có ngành nghề gì khác. Các thửa đất nêu trên được gia đình bà Ngọc Thị C1 khai phá vào năm 1994 và canh tác ổn định từ đó cho đến nay, việc khai phá và sử dụng ổn định có các minh chứng sau: hộ Bà Ngọc Thị C1 có trồng mít vào năm 1997, cây cà phê năm 1999, cây tiêu trồng năm 2000, dừa lùn trồng 2002, mủi ao năm 2000 và trồng nhiều cây khác. Việc thời điểm tạo lập cây trồng và canh tác ổn định đã được cơ quan chức năng và cơ quan chuyên môn là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E xác định như sau: có những cây điều gia đình bà Ngọc Thị C1 canh tác rất tốt nên được cơ quan chuyên môn xác định chất lượng là loại A, cụ thể là 211 cây cà phê trồng năm 1999 loại A, 29 cây tiêu trồng năm 2000 cây tiêu loại A... Việc khai phá đất và sử dụng ổn định lâu dài của gia đình bà Ngọc Thị C1 còn được Trưởng thôn, Phó thôn, Bí thư Chi bộ các thời kỳ làm chứng. Bà Ngọc Thị C1 sử dụng ổn định, không tranh chấp, không bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính liên quan đến việc sử dụng đất đai.

Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định các thửa đất nêu trên của gia đình bà Ngọc Thị C1 là khai hoang vào năm 1994 và sử dụng ổn định đến nay nên khi Nhà nước thu hồi đất thì bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, chuyển đổi nghề cho hộ gia đình bà Ngọc Thị C1 theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, kể cả có việc lấn chiếm thì: căn cứ vào khoản 2 Điều 77 của Luật Đất đai đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang được sử dụng.

Tại khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 đã quy định một trong những điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội V, công cộng là: hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Luật này mà chưa được cấp. Do đó, khi Nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, chuyển đổi nghề cho hộ gia đình bà C1 theo đúng quy định pháp luật.

Tại điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đã quy định: trường hợp sử dụng đất lần, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban Quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N, lâm nghiệp và nay đang sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở; không có tranh chấp và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp thửa đất có nhà ở thì diện tích đất ở được công nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; phần diện tích đất đang sử dụng được xác định là đất nông nghiệp thì được công nhận quyền sử dụng đất theo chế độ như quy định đối với trường hợp tại khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Do vậy, đối với trường hợp các hộ dân lần, chiếm sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở mà đất này đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh trước đây, nay Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất được bồi thường về đất.

Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định “Trường hợp lần, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.” nên khi Nhà nước thu hồi thì người sử dụng đất phải bồi thường theo khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai.

Và có một số tài sản trên đất được gia đình bà Ngọc Thị C1 tạo lập sau năm 2013. Đề nghị cơ quan chức năng bồi thường các tài sản này cho bà Ngọc Thị C1 vì bà Ngọc Thị C1 không nhận được Thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của Ủy ban nhân dân huyện E nên không biết diện tích đất bà Ngọc Thị C1 bị thu hồi. Ngoài ra, căn cứ vào khoản 3 Điều 49 của Luật Đất đai thì sau 3 năm kể từ khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã

được công bố mà chưa có Quyết định thu hồi đất thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố kế hoạch điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất. Trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chỉnh, hủy bỏ nhưng không công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ thì người dân không bị hạn chế quyền tạo lập tài sản nên các tài sản được tạo lập sau năm 2013 của bà Ngọc Thị C1 cũng phải được bồi thường.

Ngày 14/6/2024, bà Ngọc Thị C1 nhận được Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện E, Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E, Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất, Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E, Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E ban hành hỗ trợ về đất và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bổ sung và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm mà cho rằng hộ bà Ngọc Thị C1 lấn chiếm đất vào năm 2009 nên chỉ hỗ trợ 50% về đất, về tài sản gắn liền với đất với tổng giá trị là 256.547.200đồng.

Việc không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Ngọc Thị C1.

Vì vậy, bà Ngọc Thị C1 khởi kiện yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 285/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành ngày 27/12/2022, một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành ngày 18/01/2023, một phần Quyết định số 281/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành ngày 23/12/2022 về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Ngọc Thị C1;

- Hủy một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành ngày 18/01/2023, hủy một phần Quyết định số 05/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành ngày 07/02/2023; hủy một phần Quyết định số 280/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành ngày 23/12/2022 và hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành ngày 04/12/2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Ngọc Thị C1;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành Quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định pháp luật đối với hộ bà Ngọc Thị C1.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E do ông Lê Đình C2 đại diện trình bày:*

I. Về trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất: Ủy ban nhân dân huyện thực hiện đúng, đủ quy trình về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật.

II. Về việc bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ các chế độ ổn định đời sống và chuyển đổi nghề nghiệp đối với hộ bà Ngọc Thị C1:

1. Nguồn gốc đất: căn cứ xác nhận số 19/GXN-UBND ngày 16/11/2022, số 65/GXN-UBND ngày 29/12/2022, số 30/GXN-UBND ngày 07/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã C xác nhận đối với hộ bà Ngọc Thị C1 thì toàn bộ diện tích đất thuộc phạm vi thu hồi của tất cả các hộ gia đình có nguồn gốc lần, chiếm đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH MTV L quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc cho Công ty L thuê 137.935.686m² đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Theo đó, thời điểm sử dụng đất ổn định từ năm 2009.

2. Căn cứ bồi thường về đất: căn cứ Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013: “Điều 82. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau 1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;”

Tại Điều 64 của Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“Điều 64. Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai

1. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm:

a) Sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm; quyền;

b) Người sử dụng đất cố ý hủy hoại đất;

c) Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền;

d) Đất không được chuyển nhượng, tặng cho theo quy định của Luật này mà nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho;

đ) Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;

e) Đất không được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này mà người sử dụng đất do thiếu trách nhiệm để bị lấn, chiếm;

g) Người sử dụng đất không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà không chấp hành;

h) Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 24 tháng liên tục;

i) Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.”

Đất của hộ bà Ngọc Thị C1 đang sử dụng thuộc điểm đ khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai năm 2013 nên không được bồi thường về đất.

2. Căn cứ về bồi thường tài sản gắn liền với đất:

Căn cứ Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013:

“Điều 92. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất

1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này.

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây dựng khác không còn sử dụng.

Tài sản gắn liền với đất của hộ bà Ngọc Thị C1 thuộc khoản 1 Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013 nên không được bồi thường.

3. Căn cứ về hỗ trợ ổn định đời sống:

Căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP:

“2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sử dụng đất thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại các Điều 100, 101 và 102 của Luật Đất đai, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông trường, lâm trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.”

Diện tích đất thu hồi của hộ bà Ngọc Thị C1 có nguồn gốc lấn chiếm đất của Công ty TNHH MTV L, không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

4. Căn cứ về hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm:

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP:

“Điều 20. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:

a) Hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương;

b) Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương.”

Diện tích đất thu hồi của hộ bà Ngọc Thị C1 không đủ điều kiện được bồi thường về đất nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

Từ các nhận định và căn cứ nêu trên việc bà Ngọc T1 Cáo buộc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có căn cứ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Công ty TNHH MTV L *trình bày*: về trình tự, thủ tục chia sẻ thông tin thửa đất: Công ty TNHH MTV L thực hiện đúng, đủ theo quy định pháp luật.

Về việc chia sẻ thông tin về đất, tài sản gắn liền với đất: căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc cho Công ty L thuê 137.935.686m² đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp; căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM204409 ngày 18/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; căn cứ công văn số 8668/UBND-NNMT ngày 24/9/2022 về việc thực hiện một

số nội dung liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng dự án Hồ C tỉnh Đắk Lắk; căn cứ công văn số 9601/UBND-NNMT ngày 07/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc công tác giải phóng mặt bằng dự án Hồ C trên địa bàn huyện E; căn cứ công văn số 80/Cty ngày 29/12/2022 về việc cung cấp thông tin phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình khu tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án Hồ C theo công văn số 60 ngày 24/11/2022 của xã C.

Về việc hộ gia đình lấn chiếm đất để sản xuất nông nghiệp: công ty C3 các hồ sơ liên quan hiện có tại công ty và Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204409 ngày 18/7/2008. Về việc nhắc nhở, báo cáo sự việc phía công ty chưa thiết lập hồ sơ xử lý và lưu trữ tại công ty phần diện tích này năm 2018 công ty đã rà soát và dự kiến trả về địa phương quản lý. Công ty đã phối hợp với các ban ngành và Ủy ban nhân dân xã C về việc chia sẻ thông tin thửa đất cũng như kết hợp xác minh thời điểm sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên.

- Ông Nông Văn Q đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không tham gia và không có ý kiến gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 173/2025/HC-ST ngày 11/9/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 4 Điều 59, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 của Luật Tố tụng Hành chính; các Điều 62, 63, 64, 67, 69, 82, 92 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (đã được sửa đổi năm 2017); điểm d khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý đất đai; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc Thị C1:

- Hủy một phần Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 07/02/2023; hủy một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023; hủy một phần Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 23/12/20022; hủy một phần Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 26/12/2022, hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Ngọc Thị C1;

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ 80% về đất đối với thửa đất số 16, 24, 137; hỗ trợ đối với các tài sản trên đất được tạo lập sau khi có Thông báo thu hồi đất, xác định lại thời

điểm tạo lập tài sản trồng theo như biên bản kiểm tra, thống kê, kiểm đếm tài sản, cây trồng tạo lập trên đất ngày 26/6/2024 và xác định lại tỷ lệ hỗ trợ cây trồng theo quy định tại các thửa đất 16, 24, 04, 133, 134, 137 cho hộ gia đình bà Ngọc Thị C1.

[2] Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc Thị C1 về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 27/12/2022, một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023, một phần Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Không Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Ngọc Thị C1;

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc Thị C1 về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện E bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà Ngọc Thị C1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2025, người khởi kiện bà Ngọc Thị C1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu bồi thường về đất, bồi thường về tài sản trên đất; hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo bảng giá hiện hành.

Tại phiên tòa phúc thẩm: đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc Thị C1 về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 27/12/2022, một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023, một phần Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Không Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Ngọc Thị C1 và bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện E bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà Ngọc Thị C1 là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Ngọc Thị C1, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 173/2025/HC-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Ngọc Thị C1 là ông Phạm Hữu H và người bị kiện đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn Q và Công ty TNHH một thành viên L đều vắng mặt. Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Hội

đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tổ tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Ngọc Thị C1, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Dự án đầu tư Hồ C, tỉnh Đắk Lắk được Bộ N1 (nay là Bộ N2) phê duyệt tại Quyết định số 1394/QĐ-BNN-XD ngày 15/5/2009. Ngày 28/10/2013, Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Thông báo số 140/TB-UBND thông báo chủ trương thu hồi đất của Công ty TNHH một thành viên L để thực hiện dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T. Ngày 29/12/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 3750/QĐ-UBND về việc ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, ủy quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Ngày 14/7/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1550/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất đến năm 2022 của huyện E. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/12/2022, Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 và Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV L (trong đó có diện tích đất do hộ bà Ngọc Thị C1 lấn, chiếm sử dụng) để phục vụ thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Mục đích thu hồi đất nhằm phục vụ cho thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng. Xét việc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND, Quyết định số 285/QĐ-UBND và Quyết định số 04/QĐ-UBND nêu trên là có căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục về thu hồi đất theo quy định tại Điều 62, Điều 63, Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc Thị C1 về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 27/12/2022, một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 và một phần Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ gia đình bà Ngọc Thị C1 là có cơ sở.

[2.2] Đối với kháng cáo của bà Ngọc Thị C1 yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện E (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) phải bồi thường về đất, bồi thường về tài sản trên đất; hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.2.1] Về nguồn gốc đất: căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như các Giấy xác nhận số 19/GXN-UBND ngày 16/11/2022, số 65/GXN-UBND ngày 29/12/2022, số 88/GXN-UBND ngày 09/01/2023, số 22/GXN-UBND ngày 26/8/2024 của Ủy ban nhân dân xã C thể hiện: hộ bà Ngọc Thị C1 bị thu hồi các thửa đất số 04, 159, 160, 133, 134, 137, tờ bản đồ số 10 và thửa đất số 16, 24, tờ bản đồ số 09 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Toàn bộ diện tích đất thuộc phạm

vi thu hồi có nguồn gốc lần, chiếm đất của Công ty TNHH MTV L đang quản lý, do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH MTV L theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm, thời hạn sử dụng đất 50 năm đến ngày 15/10/2043. Bà Ngọc Thị C1 cho rằng diện tích đất bị thu hồi có nguồn gốc do gia đình bà khai hoang, sử dụng ổn định từ năm 1994 nhưng bà Ngọc Thị C1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đất do gia đình bà khai hoang từ năm 1994. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: các thửa đất này do Nhà nước giao cho tổ chức để quản lý; không phải đất được giao, công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Bà Ngọc Thị C1 đã lấn, chiếm đất công thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai năm 2013 nên bà Ngọc Thị C1 không được bồi thường về đất và không được bồi thường tài sản gắn liền với đất là đúng quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.2.2] Do hộ gia đình bà Ngọc Thị C1 không được bồi thường về đất nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ.

[2.2.3] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk ban hành lại quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ 80% về đất đối với các thửa đất số 16, 24, 137; hỗ trợ đối với các tài sản trên đất được tạo lập sau khi có Thông báo thu hồi đất; xác định lại thời điểm tạo lập tài sản trồng theo như biên bản kiểm tra, thống kê, kiểm đếm tài sản, cây trồng tạo lập trên đất ngày 26/6/2024 và xác định lại tỷ lệ hỗ trợ cây trồng theo quy định tại các thửa đất số 16, 24, 04, 133, 134, 137 cho hộ gia đình bà Ngọc Thị C1, là đúng quy định của pháp luật. Bà Ngọc Thị C1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không nêu rõ phải bồi thường, hỗ trợ theo bảng giá năm nào thì thấy: việc áp dụng bảng giá năm nào thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk khi ban hành lại quyết định.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc Thị C1 về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 27/12/2022, một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023, một phần Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Ngọc Thị C1 và buộc Ủy ban nhân dân huyện E (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) bồi thường về đất, bồi thường về tài sản trên đất; hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà Ngọc Thị C1, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác

kháng cáo của bà Ngọc Thị C1 như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do toàn bộ nội dung kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra bà Ngọc Thị C1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, bà Ngọc Thị C1 là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Ngọc Thị C1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 173/2025/HC-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng các Điều 62, 63, 64, 67, 69, 82, 92 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (đã được sửa đổi năm 2017); điểm d khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc Thị C1:

- Hủy một phần Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 07/02/2023, hủy một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023, hủy một phần Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 23/12/20022, hủy một phần Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 và hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Ngọc Thị C1.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk ban hành lại quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ 80% về đất đối với các thửa đất số 16, 24, 137; hỗ trợ đối với các tài sản trên đất được tạo lập sau khi có Thông báo thu hồi đất; xác định lại thời điểm tạo lập tài sản trồng theo như biên bản kiểm tra, thống kê, kiểm đếm tài sản, cây trồng tạo lập trên đất ngày 26/6/2024 và xác định lại tỷ lệ

hỗ trợ cây trồng theo quy định tại các thửa đất số 16, 24, 04, 133, 134, 137 cho hộ gia đình bà Ngọc Thị C1.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc Thị C1 về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 27/12/2022, một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 và một phần Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ gia đình bà Ngọc Thị C1.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) bồi thường về đất, bồi thường tài sản gắn liền với đất; hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình bà Ngọc Thị C1.

3. Về án phí: miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Ngọc Thị C1.

4. Các Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên